

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 01 - 2025
Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Siêng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lương Công Hạnh** và ông Trần Đại Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 308/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị H - sinh năm 1994; Địa chỉ: khu phố D, phường P, thành phố T, Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Nguyễn Tấn H1 – sinh năm 1989; Địa chỉ: khu phố D, phường P, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân: tôi và anh H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2015, số 74 tại UBND phường P, thành phố T.

Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại nhà cha mẹ anh H1, cuộc sống hôn nhân bình thường, không phát sinh tranh chấp. Từ năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc anh H1 không đưa tiền sinh hoạt nhưng nghi ngờ việc chi tiêu của tôi, vợ chồng kình cãi, tôi bỏ về nhà mẹ ở đến nay, vợ chồng cũng không ai hỏi han, chăm sóc lẫn nhau. Đến nay, tôi thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung Nguyễn Tấn H2 – sinh ngày 02/10/2016, yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng, từ ngày ly hôn đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn Nguyễn Tấn H1 vắng mặt không cung cấp tài liệu chứng cứ và không có lời trình bày.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu giao 01 con chung Nguyễn Tấn H2 – sinh ngày 02/10/2016 cho nguyên đơn nuôi dưỡng, yêu cầu bị đơn cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý đến khi xét xử tuân thủ đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng khi tiến hành xét xử tại phiên tòa. Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung: có 01 con chung Nguyễn Tấn H2 – sinh ngày 02/10/2016; giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh H1 cấp dưỡng theo quy định; về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; về án phí: đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị H và anh Nguyễn Tấn H1, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường P cấp Giấy chứng nhận kết hôn, số 74, ngày 10 tháng 11 năm 2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến nay anh chị mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau, Tòa đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng anh H1 đều vắng mặt là có ý từ bỏ, mâu thuẫn vợ chồng không

khắc phục được. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H, anh H1 đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tấn H2 – sinh ngày 02 tháng 10 năm 2016, hiện đang sống với chị H. Xét, chị H có nguyện vọng nuôi con chung là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao con chung Nguyễn Tấn H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng;

[2.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: chị H yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng từ tháng 01/2025. Anh H1 vắng mặt không trình bày ý kiến. Căn cứ Điều 82, 83, 110 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì chị H có quyền yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, thể hiện trách nhiệm làm cha, mẹ đối với con chưa thành niên; mức cấp dưỡng nuôi con chị H yêu cầu mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[2.5] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 29, 33, 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H. Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn H1.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tấn H2 – sinh ngày 02 tháng 10 năm 2016. Giao chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tấn H2. Anh Nguyễn Tấn H1 cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng từ tháng 01 năm 2025 đến khi phát sinh một trong các điều kiện quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002782, ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

4.2. Anh Nguyễn Tấn H1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 **Luật Thi hành án dân sự** thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- UBND Phường Phú Thạnh, TP. Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Lệ Siêng

